

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Huy

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 44

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Quang Cần	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Phạm Phú Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023)
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/02/2023)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tịnh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: 246/2023/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 đồng, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 đồng, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 đồng và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 đồng.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 7.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/2/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Tổng Công ty đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với kết luận chấp nhận toàn phần ngày 29/8/2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần ngày 01/4/2023.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ/CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+130+140+150)	100		1.919.061.522.754	2.217.780.561.111
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	158.654.729.638	158.760.669.197
1. Tiền	111		87.653.265.520	115.103.878.685
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.001.464.118	43.656.790.512
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	68.770.076.769	61.554.295.890
1. Chứng khoán kinh doanh	121		920.855.077	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.259.352)	(2.500.152)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		67.851.481.044	61.553.784.190
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		930.186.914.456	1.308.024.835.076
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	588.736.147.544	912.634.721.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	168.579.737.737	207.204.296.394
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	11.035.729.594
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	189.126.383.133	192.961.686.810
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(16.255.353.958)	(15.811.599.253)
IV. Hàng tồn kho	140		581.765.088.070	506.287.520.804
1. Hàng tồn kho	141	5.7	581.837.710.179	506.360.142.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(72.622.109)	(72.622.109)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		179.684.713.821	183.153.240.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	796.478.284	426.126.629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		178.778.033.142	182.612.587.741
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	110.202.395	114.525.774
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.778.378.765.522	1.792.839.394.749
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.658.445.500	7.215.086.356
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	7.658.445.500	7.215.086.356
II. Tài sản cố định	220		858.932.320.121	889.966.914.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	826.896.563.263	857.727.195.100
- Nguyên giá	222		1.069.531.058.858	1.069.891.341.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242.634.495.595)	(212.164.146.153)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	32.035.756.858	32.239.719.836
- Nguyên giá	228		36.524.143.848	36.524.143.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.488.386.990)	(4.284.424.012)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	226.246.124.834	226.246.124.834
1. Nguyên giá	231		226.246.124.834	226.246.124.834
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.12	608.512.619.401	592.198.697.186
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		79.758.960.539	78.922.717.234
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		528.753.658.862	513.275.979.952
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	59.572.322.693	58.639.855.353
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		6.949.708.971	5.967.241.631
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.157.139.589	31.157.139.589
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.214.525.867)	(2.214.525.867)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		23.680.000.000	23.730.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.456.932.973	18.572.716.084
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.015.836.785	4.537.535.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	11.220.251.197	10.814.335.471
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		3.220.844.991	3.220.844.991
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.697.440.288.276	4.010.619.955.860

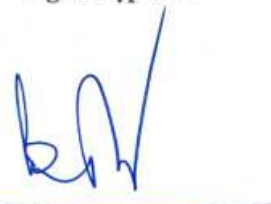


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.662.903.823.093	2.976.270.313.614
I. Nợ ngắn hạn	310		1.803.219.147.842	2.203.240.805.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	298.064.525.760	645.769.639.036
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	342.368.795.681	348.946.139.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	8.592.307.207	9.117.687.579
4. Phải trả người lao động	314		14.750.535.546	18.494.709.661
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	73.659.102.118	56.069.914.116
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	22.284.177.166	31.862.144.147
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.038.149.846.901	1.087.294.213.030
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.436.819.152	1.639.179.859
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.913.038.311	4.047.178.065
II. Nợ dài hạn	330		859.684.675.251	773.029.508.295
1. Phải trả người bán dài hạn	331		168.389.594.520	168.035.113.088
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.15	8.742.072.242	8.742.072.242
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	681.484.380.550	595.250.949.157
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.068.627.939	1.001.373.808
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.034.536.465.183	1.034.349.642.246
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.034.536.465.183	1.034.349.642.246
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(88.867.037.290)	(88.867.037.290)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.763.832.141	16.763.832.141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		187.800.358	187.800.358
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.585.611.350	142.635.805.631
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		142.313.612.993	128.164.265.553
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		3.271.998.357	14.471.540.078
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.914.383.551	49.677.366.333
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.697.440.288.276	4.010.619.955.860
(440 = 300+400)				

Người lập biểu



Võ Quang

Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	474.967.088.926	1.338.768.945.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	474.967.088.926	1.338.768.945.652
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	377.609.699.156	1.248.202.989.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		97.357.389.770	90.565.956.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.930.375.940	6.129.268.059
7. Chi phí tài chính	22	6.4	73.221.212.817	52.615.225.568
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>69.640.550.052</i>	<i>52.596.066.043</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		278.717.342	4.978.470.526
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	263.638.605	401.995.435
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	28.051.261.945	41.038.861.699
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		1.030.369.685	7.617.612.070
12. Thu nhập khác	31	6.6	434.902.533	212.904.656
13. Chi phí khác	32	6.6	304.479.750	310.480.765
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	130.422.783	(97.576.109)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.160.792.468	7.520.035.961
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.057.692.618	1.376.992.486
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(405.915.725)	665.618.632
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		509.015.575	5.477.424.843
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.271.998.357	6.574.336.253
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.762.982.782)	(1.096.911.410)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	40	78
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	40	78

Người lập biểu



Võ Quang

Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tịnh

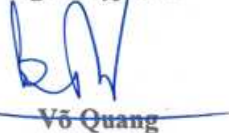
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.160.792.468	7.520.035.961
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		31.635.841.087	47.700.971.720
- Các khoản dự phòng	03		443.513.905	11.272.005.654
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.875.959.790)	(5.524.258.311)
- Chi phí lãi vay	06		69.640.550.052	52.596.066.043
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		98.004.737.722	113.564.821.067
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		376.689.643.879	(152.679.448.555)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(76.313.810.571)	(63.482.576.703)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(379.388.938.130)	(639.497.330.899)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.151.347.182	1.183.495.232
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.324.890.641)	(52.726.769.811)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(356.246.597)	(453.735.836)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(441.013.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.538.157.156)	(794.532.559.428)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.078.925.182)	(37.560.965.290)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		31.167.000	136.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.148.007.419)	(134.769.498.866)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.035.729.594	65.532.204.930
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.284.410.075)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.082.816.850	1.377.347.142
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.704.781.565	2.575.449.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.656.847.667)	(103.709.098.718)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		709.613.458.374	1.655.314.799.585
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(672.524.393.110)	(746.937.866.629)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.816.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.089.065.264	908.373.116.806
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(105.939.559)	10.131.458.660
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		158.760.669.197	74.071.136.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	158.654.729.638	84.202.595.097

Đã kiểm tra, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập/biểu



Võ Quang

Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Minh Triết

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.
Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2023 là 150 người (Tại ngày 31/12/2022 là 176 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty con					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3 Trung Đô, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	52,93%	52,93%	52,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện	55,93%	55,93%	55,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp các công trình lưới điện	65,73%	65,73%	65,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỉ lệ quyền biểu quyết	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VNECO-RME	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	38,97%	51%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Khu vực 6, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Xây lắp các công trình lưới điện	47,11%	47,11%	47,11%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2023 gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc	10A15 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12, Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1, Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng, Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung, Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO, Công ty TNHH Đầu tư VNECO, Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO, Công ty Cổ phần VNECO-RME.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 4 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

1019
T
NH
M T
VIE
S H A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

3/1/2023
SỞ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ THUẾ
A V
3/1/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	3.483.688.607	2.856.091.808
Tiền gửi ngân hàng	84.169.576.913	112.247.786.877
Các khoản tương đương tiền	71.001.464.118	43.656.790.512
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	71.001.464.118	43.656.790.512
Tổng	158.654.729.638	158.760.669.197

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại Ngân hàng.

Tổng giá trị các khoản tiền và tương đương tiền dùng để cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 106.331.655.593 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 43.656.790.512 đồng).

5.2. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9	3.011.852	752.500	(2.259.352)	3.011.852	511.700	(2.500.152)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	760.028.225	760.028.225	-	-	-	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	157.815.000	157.815.000	-	-	-	-
Tổng	920.855.077	918.595.725	(2.259.352)	3.011.852	511.700	(2.500.152)

Công ty xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	67.851.481.044	67.851.481.044	61.553.784.190	61.553.784.190
- Tiền gửi có kỳ hạn	67.851.481.044	67.851.481.044	61.553.784.190	61.553.784.190
Dài hạn	23.680.000.000	23.680.000.000	23.730.000.000	23.730.000.000
- Trái phiếu	23.680.000.000	23.680.000.000	23.730.000.000	23.730.000.000
Tổng	91.531.481.044	91.531.481.044	85.283.784.190	85.283.784.190

Toàn bộ trái phiếu Ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang được thế chấp cho các hợp đồng vay của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ		30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			4.703.750.000	6.949.708.971	4.000.000.000	5.967.241.631
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	47,11%	47,11%	4.703.750.000	6.949.708.971	4.000.000.000	5.967.241.631
Tổng			4.703.750.000	6.949.708.971	4.000.000.000	5.967.241.631

Trong kỳ, Tổng Công ty đã mua bổ sung 120.375 cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10 tương ứng với giá trị 703.750.000 đồng; theo đó tỷ lệ vốn nắm giữ tại ngày 30/6/2023 là 47,11% (tại ngày 01/01/2023 là 40,06%).

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác	31.157.139.589	861.431.520	(2.214.525.867)	31.157.139.589	871.183.620	(2.214.525.867)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (i)	179.472	179.472	-	179.472	179.472	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (i)	916.740	916.740	-	916.740	916.740	-
- Công ty Cổ phần chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (i)	1.913.808	1.913.808	-	1.913.808	1.913.808	-
- Công ty Cổ phần Sông Ba (i)	333.379.569	857.671.500	-	333.379.569	868.173.600	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân VNECO (ii)	30.820.000.000		(2.214.525.867)	30.820.000.000		(2.214.525.867)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (i)	750.000	750.000	-	750.000		-
Tổng	31.157.139.589	(2.214.525.867)	31.157.139.589	(2.214.525.867)		

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	588.736.147.544	912.634.721.531
Công ty Cổ phần thương mại REENIZE	120.149.538.474	252.069.056.050
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	57.942.547.809	64.044.215.736
Công ty TNHH Thép Thiên Long	32.131.393.446	77.428.695.869
Các đối tượng khác	378.512.667.815	519.092.753.876
Tổng	588.736.147.544	912.634.721.531

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty Cổ Phần Sao Thái Sơn	12.924.613.022	12.924.613.022
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	20.630.000.000	50.427.150.000
Các đối tượng khác	109.532.101.988	118.359.510.645
Tổng	168.579.737.737	207.204.296.394

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5.5. Phải thu khác

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	189.126.383.133	(11.774.355.177)	192.961.686.810	(11.774.355.177)
Ký cược, ký quỹ	1.052.136.967	-	2.531.865.200	-
Tạm ứng	56.007.464.036	-	104.736.158.898	-
Phải thu khác	132.066.782.130	-	85.693.662.712	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	(11.490.000.000)	11.490.000.000	(11.490.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE (*)	61.579.748.641	-	61.579.748.640	-
Phải thu khác	58.997.033.489	(284.355.177)	12.623.914.072	(284.355.177)
Dài hạn	7.658.445.500	-	7.215.086.356	-
Ký cược, ký quỹ	7.382.648.000	-	7.215.086.356	-
Các khoản khác	275.797.500	-	-	-
Tổng	196.784.828.633	(11.774.355.177)	200.176.773.166	(11.774.355.177)

(*) Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đang thực hiện cho Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 đồng, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 đồng, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 đồng và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6. Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	16.668.213.711	412.859.753	16.224.459.006	412.859.753
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>16.255.353.958</i>		<i>15.811.599.253</i>	
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng-1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà				11.490.000.000
Các khoản nợ xấu khác				5.178.213.711
Tổng				16.668.213.711

5.7. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.238.691.714	31.428.690	15.158.418.640	31.428.690
Công cụ, dụng cụ	1.662.358.848	1.878.552	1.698.412.660	1.878.552
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	521.340.769.080	5.724.243	457.447.884.094	5.724.243
Thành phẩm	9.786.779.889	33.590.624	7.794.179.360	33.590.624
Hàng hóa	29.809.110.648	-	24.261.248.159	-
Tổng	581.837.710.179	72.622.109	506.360.142.913	72.622.109

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 33.105.629.078 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 45.362.004.682 đồng).

5.8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	796.478.284	426.126.629
Công cụ dụng cụ	610.970.804	154.096.100
Chi phí chờ phân bổ	185.507.480	272.030.529
Dài hạn	3.015.836.785	4.537.535.622
Công cụ dụng cụ	2.010.269.109	3.967.854.342
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	566.261.674	537.278.658
Chi phí trả trước dài hạn khác	439.306.002	32.402.622
	3.812.315.069	4.963.662.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	628.085.006.746	319.637.811.174	120.995.542.562	1.172.980.771	1.069.891.341.253
Tăng trong kỳ	355.666.273	245.580.000	-	-	601.246.273
Mua trong kỳ	-	245.580.000	-	-	245.580.000
XDCB hoàn thành	355.666.273	-	-	-	355.666.273
Giảm trong kỳ	-	961.528.668	-	-	961.528.668
Thanh lý, nhượng bán	-	961.528.668	-	-	961.528.668
Số dư tại 30/6/2023	628.440.673.019	318.921.862.506	120.995.542.562	1.172.980.771	1.069.531.058.858
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	88.599.903.852	89.828.037.310	32.953.280.916	782.924.075	212.164.146.153
Tăng trong kỳ	16.814.569.319	10.144.103.487	4.459.927.003	13.278.300	31.431.878.109
Khấu hao trong kỳ	16.814.569.319	10.144.103.487	4.459.927.003	13.278.300	31.431.878.109
Giảm trong kỳ	-	961.528.667	-	-	961.528.667
Thanh lý, nhượng bán	-	961.528.667	-	-	961.528.667
Số dư tại 30/6/2023	105.414.473.171	99.010.612.130	37.413.207.919	796.202.375	242.634.495.595
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2023	539.485.102.894	229.809.773.864	88.042.261.646	390.056.696	857.727.195.100
Tại 30/6/2023	523.026.199.848	219.911.250.376	83.582.334.643	376.778.396	826.896.563.263

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 75.279.477.397 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 96.171.816.313 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 838.490.913.528 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 850.452.508.272 đồng).

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2023	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2023	3.677.768.192	50.086.320	556.569.500	4.284.424.012
Tăng trong kỳ	192.656.728	-	11.306.250	203.962.978
Khấu hao trong kỳ	192.656.728	-	11.306.250	203.962.978
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	3.870.424.920	50.086.320	567.875.750	4.488.386.990
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2023	32.217.089.336	-	22.630.500	32.239.719.836
Tại 30/6/2023	32.024.432.608	-	11.324.250	32.035.756.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 508.836.320 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 538.836.320 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 32.024.432.615 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 32.217.089.336 đồng).

5.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2023
a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	226.246.124.834	-	-	226.246.124.834
Quyền sử dụng đất	222.697.090.842	-	-	222.697.090.842
Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	-	3.549.033.992
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	226.246.124.834	-	-	226.246.124.834
Quyền sd đất	222.697.090.842	-	-	222.697.090.842
Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	-	3.549.033.992

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30/6/2022 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nắm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 129C Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 129D Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 157/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 226.246.124.834 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 152.160.124.834 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12. Tài sản dở dang dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí SXKD dở dang	79.758.960.539	79.758.960.539	78.922.717.234	78.922.717.234
Khu đô thị mới Mỹ Thượng	79.758.960.539	79.758.960.539	78.922.717.234	78.922.717.234
Chi phí XDCB dở dang	528.753.658.862	528.753.658.862	513.275.979.952	513.275.979.952
Dự án siêu thị Greenmart	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673
Dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	450.242.760.288	450.242.760.288	435.783.260.469	435.783.260.469
Các dự án khác	6.094.046.901	6.094.046.901	5.075.867.810	5.075.867.810
Tổng	608.512.619.401	608.512.619.401	592.198.697.186	592.198.697.186

Toàn bộ giá trị 02 dự án “Siêu thị Greenmart” và dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong” đang được Tổng Công ty dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay Ngân hàng.

5.13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	11.220.251.197	10.814.335.471
Tổng	11.220.251.197	10.814.335.471

5.14. Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	298.064.525.760	298.064.525.760	645.769.639.036	645.769.639.036
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	-	-	121.760.928.960	121.760.928.960
Công ty TNHH Thép Thiên Long	23.270.713.256	23.270.713.256	20.899.366.645	20.899.366.645
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	1.924.362.255	1.924.362.255	43.966.464.052	43.966.464.052
Các đối tượng khác	272.869.450.249	272.869.450.249	459.142.879.379	459.142.879.379
Dài hạn	168.389.594.520	168.389.594.520	168.035.113.088	168.035.113.088
Công ty TNHH LEXIM	168.035.113.088	168.035.113.088	168.035.113.088	168.035.113.088
Các đối tượng khác	354.481.432	354.481.432	-	-
Tổng	466.454.120.280	466.454.120.280	813.804.752.124	813.804.752.124

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)

3.594.618.287	3.594.618.287	3.594.618.287	3.594.618.287
---------------	---------------	---------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.15. Người mua ứng tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	342.368.795.681	348.946.139.826
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	192.200.986.187	226.633.397.534
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	25.252.468.577	13.533.187.366
Công ty Cổ phần Malblue	32.240.999.965	-
Các đối tượng khác	92.674.340.952	108.779.554.926
Dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Tổng	351.110.867.923	357.688.212.068

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)

40.983.072.207

8.742.072.242

5.16. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
Phải nộp	9.117.687.579	13.672.267.518	14.197.647.890	8.592.307.207
Thuế giá trị gia tăng	3.169.770.330	12.362.889.896	13.761.535.150	1.771.125.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.819.632.725	863.805.413	356.246.597	6.327.191.541
Thuế thu nhập cá nhân	74.717.594	-	5.151.244	69.566.350
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	353.820.519	2.847.600	350.972.919
Lệ phí môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	53.566.930	76.751.690	56.867.299	73.451.321
Phải thu	114.525.774	442.916.556	438.593.177	110.202.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.591.763	144.266.295	144.266.295	7.591.763
Thuế thu nhập cá nhân	103.783.351	198.896.151	197.583.708	102.470.908
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.010.936	96.754.110	93.743.174	-
Thuế khác	139.724	3.000.000	3.000.000	139.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	73.659.102.118	56.069.914.116
Lãi vay phải trả	4.560.497.908	5.844.223.362
Trích trước chi phí công trình	66.791.803.481	46.592.383.781
Chi phí phải trả khác	2.306.800.729	3.633.306.973
Tổng	73.659.102.118	56.069.914.116

5.18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	22.284.177.166	31.862.144.147
Kinh phí công đoàn	1.199.050.279	1.148.253.261
Bảo hiểm xã hội	4.743.615.200	2.774.555.496
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.341.511.687	27.939.335.390
Dài hạn	-	-
Tổng	22.284.177.166	31.862.144.147

010
 VG T
 HI
 TO
 IET
 NQ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19. Vay và nợ tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.018.874.488.711	1.018.874.488.711	615.331.056.881	667.713.001.000	1.071.256.432.830	1.071.256.432.830
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	403.139.034.699	403.139.034.699	115.536.749.117	101.704.029.035	389.306.314.617	389.306.314.617
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	91.513.069.710	91.513.069.710	38.980.474.214	84.643.870.482	137.176.465.978	137.176.465.978
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (3)	178.913.041.856	178.913.041.856	203.051.637.056	152.819.521.671	128.680.926.471	128.680.926.471
Các đối tượng khác	345.309.342.446	345.309.342.446	257.762.196.494	328.545.579.812	416.092.725.764	416.092.725.764
Nợ dài hạn đến hạn trả	19.275.358.190	19.275.358.190	7.865.190.100	4.627.612.110	16.037.780.200	16.037.780.200
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	18.864.758.200	18.864.758.200	7.789.690.100	4.532.312.100	15.607.380.200	15.607.380.200
Các đối tượng khác	410.599.990	410.599.990	75.500.000	95.300.010	430.400.000	430.400.000
Vay dài hạn	681.484.380.550	681.484.380.550	94.206.901.493	7.973.470.100	595.250.949.157	595.250.949.157
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	14.308.053.810	14.308.053.810	-	7.789.690.100	22.097.743.910	22.097.743.910
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (5)	645.693.023.387	645.693.023.387	93.880.301.493	3.000.000	551.815.721.894	551.815.721.894
Các đối tượng khác	21.483.303.353	21.483.303.353	326.600.000	180.780.000	21.337.483.353	21.337.483.353
Tổng	1.719.634.227.451	1.719.634.227.451	717.403.148.474	680.314.083.210	1.682.545.162.187	1.682.545.162.187



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19. Vay và nợ tài chính (Tiếp theo)

- (1) Tổng Công ty vay ngân hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/242753/HDTĐ ngày 06/09/2022:
- Hạn mức tín dụng là 980.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2023;
 - Lãi suất được xác định trong từng trường hợp cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mờ L/C;
 - Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 403.139.034.699 đồng;
 - Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.
- (2) Tổng Công ty vay ngân hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4602.133/2022/HDTĐ/VPB-VNECO ngày 05/08/2022:
- Hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động (cho vay, phát hành bảo lãnh, LC) phục vụ hoạt động xây lắp, thi công các công trình và các dịch vụ liên quan đến hoạt động thi công công trình ngành điện, thương mại thiết bị ngành điện; thương mại hàng hóa khác (bao gồm: sắt thép; hạt nhựa và nguyên liệu nhựa);
 - Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là 91.513.069.710 đồng;
 - Biện pháp đảm bảo: Quyền đòi nợ từ các hợp đồng đầu ra, cầm cố, thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vay và nợ tài chính (Tiếp theo)

- (3) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023:
- Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023;
 - Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2023 là: 178.913.041.856 đồng;
 - Đảm bảo tiền vay:
 - + Các phương tiện vận tại theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/ĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/ĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp lần lượt là 819.000.000 đồng và 4.095.000.000 đồng;
 - + Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
 - + Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2023 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 đồng;
 - + Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2023 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 đồng;
 - + Các giấy tờ có giá cụ thể là số tiền gửi bị phong tỏa tài khoản thanh toán của Vneco mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 4: 10.401.711.000 đồng và tổng giá trị các Hợp đồng tiền gửi làm tài sản cầm cố: 22.056.000.000 đồng.
- (4) Tổng Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:
- a) Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTD ngày 16/10/2020:
- Số tiền vay là 4.800.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niếm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư mua xe ô tô BMW 740 Li phục vụ điều hành.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vay và nợ tài chính (Tiếp theo)

- b) Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020:
 - Số tiền vay là 19.700.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư dự án "Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất".
- c) Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTD ngày 15/10/2020:
 - Số tiền vay là 5.500.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.
- d) Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTD ngày 08/02/2021:
 - Số tiền vay là 175.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày cấp tín dụng đầu tiên;
 - Lãi suất: năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;
 - Mục đích vay: Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.
 - Biện pháp bảo đảm: Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

Số dư tại 01/01/2022	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	158.221.575	130.710.198.885	51.070.643.132	1.023.787.733.516
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	14.471.540.078	(4.392.183.693)	10.079.356.385
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	3.250.000.000	3.250.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.516.354.549)	(251.093.106)	(2.767.447.655)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	-	29.578.783	(29.578.783)	-	-
Số dư tại 31/12/2022	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	187.800.358	142.635.805.631	49.677.366.333	1.034.349.642.246
Số dư tại 01/01/2023	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	187.800.358	142.635.805.631	49.677.366.333	1.034.349.642.246
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí tư vấn tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	3.271.998.357	(2.762.982.782)	509.015.575
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	(322.192.638)	-	(322.192.638)
Số dư tại 30/6/2023	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	187.800.358	145.585.611.350	46.914.383.551	1.034.536.465.183

(*) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023 NG/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế năm 2022) số tiền 322.192.638 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn góp các cổ đông	904.329.530.000	904.329.530.000
Tổng	904.329.530.000	904.329.530.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.886.704	8.886.704
Cổ phiếu phổ thông	8.886.704	8.886.704
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.546.249	81.546.249
Cổ phiếu phổ thông	81.546.249	81.546.249
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lã Thị Thùy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	32.027.715.546	32.027.715.546
Các đối tượng khác	8.890.162.851	8.890.162.851
Tổng	107.438.736.730	107.438.736.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	281.557.781.286	405.145.182.080
Doanh thu hoạt động xây dựng	192.883.139.326	933.149.288.605
Doanh thu hoạt động khác	526.168.314	474.474.967
Tổng	474.967.088.926	1.338.768.945.652

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa	217.690.054.622	340.169.562.234
Giá vốn hoạt động xây dựng	159.717.773.969	907.722.090.484
Giá vốn hoạt động khác	201.870.565	311.336.747
Tổng	377.609.699.156	1.248.202.989.465

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.809.785.790	4.557.115.200
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.572.152.859
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.007.000	-
Doanh thu tài chính khác	85.583.150	-
Tổng	4.930.375.940	6.129.268.059

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	69.640.550.052	52.596.066.043
Dự phòng đầu tư tài chính	(44.472)	1.414.700
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.580.707.237	17.744.825
Tổng	73.221.212.817	52.615.225.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí bán hàng	263.638.605	401.995.435
Chi phí vật liệu bao bì	-	7.116.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.879.623	394.878.554
Chi phí bằng tiền khác	24.758.982	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.051.261.945	41.038.861.699
Chi phí nhân viên quản lý	14.632.088.006	16.406.336.838
Chi phí vật liệu quản lý	16.533.224	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.245.377.514	960.054.060
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.264.511.945	4.194.696.053
Thuế phí và lệ phí	329.670.198	889.905.864
Chi phí dự phòng	443.754.705	10.839.931.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.176.011.625	1.606.199.841
Chi phí bằng tiền khác	3.943.314.728	6.141.737.273
Tổng	28.314.900.550	41.440.857.134

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định hữu hình	96.333.696	136.363.636
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	294.581.676	
Thu nhập khác	43.987.161	76.541.020
Tổng	434.902.533	212.904.656
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm về thuế	128.428.198	104.282.816
Chi phí khác	176.051.552	206.197.949
Tổng	304.479.750	310.480.765
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	130.422.783	(97.576.109)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	1.057.692.618	1.376.992.486
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.057.692.618	1.376.992.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(405.915.725)	665.618.632
Tổng	(405.915.725)	665.618.632

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	3.271.998.357	6.574.336.253
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(161.096.319)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(161.096.319)
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.271.998.357	6.413.239.934
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	81.546.249	81.934.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	78

6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	3.271.998.357	6.574.336.253
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(161.096.319)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(161.096.319)
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.271.998.357	6.413.239.934
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	81.546.249	81.934.033
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	78

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này là toàn bộ Lợi nhuận sau thuế do Tổng Công ty chưa có kế hoạch trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.595.135.092	146.381.980.938
Chi phí nhân công	27.233.509.145	38.301.017.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.635.841.087	47.700.971.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.772.538.431	685.701.685.177
Chi phí khác bằng tiền	12.145.147.295	39.211.101.672
Tổng	380.382.171.050	957.296.757.367

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin khác**

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 đồng (gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/2/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Thành viên lãnh đạo chủ chốt

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	420.000.000	360.000.000
Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	253.968.650	42.000.000
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	240.000.000	135.857.000
Tổng		997.968.650	621.857.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	-	16.000.000
Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	24.000.000	8.000.000
Tổng		198.000.000	198.000.000

S.D.N: ...
CÔP
TN
KIỂM
CPA V
HỒ HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	352.328.077	248.162.000
Phạm Phú Mai	Tổng Giám đốc	-	368.091.000
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	252.055.305	248.010.000
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	222.860.077	248.162.000
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	251.796.170	243.365.000
Tổng		1.079.039.629	1.355.790.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
Vay			4.661.967.260	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Vay tiền	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Vay tiền	4.461.967.260	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
Phải thu về cho vay			-	1.212.032.740
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Cho vay	-	1.212.032.740
Phải trả người bán			3.594.618.287	3.594.618.287
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Phải người bán	3.594.618.287	3.594.618.287
Người mua trả tiền trước			40.983.072.207	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.240.999.965	-
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Người mua trả tiền trước dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Vay			4.461.967.260	-
Công ty Cổ phần Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Vay	4.461.967.260	-

01019
GT
HH
TOÁN
ETNA
NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Tịnh

